

CỬA ĐẠI

(Trích Tàng bút I. II)

Cửa Đại là một trong mười hai cửa lớn nơi xứ sở. Chính chữ là Đại Chiếm hải khẩu.

Những người già cả và lang thang nhiều đã bảo tôi thế. Và theo cái đà du lịch của tôi ngày năm nọ, tôi đã ghé thăm cửa biển lịch sử này.

Tôi đến Phố vào lúc tối.

Phố là tục danh một thành phố mà Tây mệnh danh là Faifo và ta cũng gọi luôn là Phe Phố. Thật là tiện quá. Nhưng đứng vào mặt hành chính mà nói chuyện thì không thấy tiện một chút nào. Cái gì mà một tỉnh Quảng Nam mà thành phố thì đặt ở Faifo — có tôn sù, có đồn lính tập, có sở Giấy thép, và từ sau hồi biến động 1930, có thêm ty Mật thám v.v., — và tỉnh thì lại đặt ở ngoài Bến Điện với một nếp thành cũ, trông xa như một bức tường phủ cũ bỏ không. Từ cái dinh ông Thủ Hiến Tây của một tỉnh đến cái dinh ông Thủ Hiến ta cũng của cái tỉnh ấy, có đến hơn mười cây số đường đất đi nắng chang chang. Thế nghĩa là, nếu ông và tôi có phải trình một lá đơn để xin chữ phê của Tỉnh lãn Tòa, thì phải đi từ Phố ra Bến Điện, rồi lại từ Bến Điện trở về Phố, vừa đi vừa về mất hơn hai chục cây số. Hai chục cây số, hai cái đầu son! Nhưng đấy là cái phiền phức của người sở tại mỗi khi có việc dân sự.

Nhưng tôi chỉ là một du khách đi qua, thấy hay tôi lâu, thấy dở tôi lên đường ngay. Tôi cũng chỉ nói qua thế thôi. Tôi không muốn đi sâu vào cái khó chịu của một dân địa phương.

Tự cho mình là một con cò, đất có lành thì tôi đậu lâu, đất không lành thì tôi lại cất cánh bay đi ngay. Là một đôi khách chỉ muốn sống với cảnh đẹp luôn luôn đổi thay, tôi chỉ muốn lòng tôi sớm chiều đều rung một điệu nhẹ nhõm vui vẻ.

Cái đêm đầu của tôi ở Phố là một đêm không buồn, không vui. Chỉ có rất những bờ ngờ thôi. Không phải là cái bờ ngờ của một công tử quen sống với sự thân mật của nhà mình, mỗi lúc xa nhà là không nhắm được hai mắt mà ngủ và lúc nghe đêm sang trông canh hoặc ăn uống khác mất vị phải kêu những xềnh nhả là ra thất nghiệp. Không phải thế. Cái bờ ngờ của tôi đêm ấy là sự ngạc nhiên của tấm lòng đã hồ mõi trước một nguồn sống mới.

Tôi đi chơi vào lúc giao mùa. Năm đã già nửa. Mùa hè đã tự diệt mình bằng ngọn lửa gay gắt. Xa xa trước tầm mắt tôi, vào lúc mở một ngày và vào lúc hết một ngày của mùa mới, mây khói dùn trên mặt đất sao mà nhiều thế.

Lúc nhá nhem tối, xe ô tô vận tải qua Bến Điện qua Thành Quảng Nam, tôi tự hỏi sao ở đây, ở bên nước đẹp này lại không có lấy một ít người đàn bà đem lụa ra đây mà đập bồm bộp để gò cái cảnh này cho nó đúng với không khí một bài thơ trong tám bài thơ thu hứng của Đỗ Phủ. Tỉnh Quảng Nam có tiếng về kỹ nghệ làm hàng tơ, có tiếng về nghề dệt lụa nhiều kia mà. Vậy sao không ai đập sức lụa ở bên con sông vừa qua cầu? Kém có một cái tiếng dòn chân của những nàng Tây Thi

vô danh chưa hiện ra để xáo động cuộc đời êm ả, kềm có cái tiếng nện vãi lưa trên hòn đá bến nước lúc hoàng hôn mà khi xe lướt qua mình cái thành gạch tỉnh Quảng Nam, cái thích ở lòng lữ thứ của tôi đã giảm mất đến nửa phần khi tôi nhớ lại câu thơ của bài thơ dựng cho Bài Tộ Bà Hành.

«Thành Bạch đồn chân buổi ác tà».

Đưa khách... chiếc xe hàng lù lù, rù rờ cộp nhót từng độ đường. Lúc này tôi mới thấy nhớ những thành thị đất Bắc — Những thành thị đất Bắc có những con hát lành nghề biết hát bài thơ trường thiên ca tụng một cảnh bến sông Tam Dương rất xa xôi huyền ảo mà có lẽ suốt đời họ, suốt một đời tôi, chúng ta không bao giờ được đi tới, được nom đến. Ở đây là miền Nam rồi, làm gì ra những ca nhi hát giọng Bắc. Tôi nhớ về hạn đến cái hơi thu để trên những mái lâu đài của các thành thị đất Bắc. Cũng là trong lòng của xứ sở mà từ đây mới vào có đến đây, sao tôi đã thấy khác khác rồi. Tâm hồn tôi, tôi đã thấy chia rồi. Rồi tôi thấy ngùi nhớ. Nhớ đến những cái xoàng xĩnh mà nếu không có lý cách, thì không-bao giờ tôi thấu đến giá trị. Vậy mà lúc tôi lên đường vào trong này, tôi có cái ý định là quên hết. Quên người quên cảnh đất Bắc. Ra cảnh vật ấy cũng vẫn chưa phải là tốt.

Đêm đầu của tôi ở Phố, tôi ra ngắm bóng trăng thanh rơi xuống mặt sông Hội An. Trên mặt sông, thực là một cái rừng cột thuyền buồm, mình ghe chỉ chít dây lèo buồm dấy thùng. Bấy nhiêu nét đen sắc đều nhấp nhô lay động theo mực nước thủy triều đang dâng lên rất mạnh. Ánh trăng bị dìm ten trong lòng con sông mà nước ngọt đang bị bề ngoài pha rớt vào bao nhiêu là muối chất mặn.

Bên bờ xa kia là làng Cẩm Phô, một cái làng rất giàu có mà sớm mai tới đây người ta sẽ đem sang bên này bờ bán cho tôi những con hến luộc nhỏ xiu dùng làm đồ ăn điểm tâm với bánh trắng.

Tôi bước chân xuống thuyền.

Đêm nay, tôi ngủ trên mặt sông. Gió sông rộng có cả sức to mồm của một trận gió vàng. Mỗi đợt gió, lọt vào khoang thuyền là một sự tọc mạch đến chuyện riêng của lòng. Tôi trần trọc, thêm muốn một tấm chăn đơn.

Sớm tỉnh mơ, tôi đã trở dậy để nhìn cảnh sắp nhộn nhịp trên sông. Nước bề rút xuống lúc khuya còn để lại nơi gờ bến xây xi-moang những ngắn rêu và bùn nhầy nhụa. Một vài ngọn lửa lập lòe nơi đầu mũi thuyền mấy chiếc ghe bầu bụng chứa, mình to, và những con mắt thao láo ở đầu mũi. Mụ chài chỉ tay vào giữa đám ghe bầu, bảo cho biết rằng đấy là những bất động sản của mấy ông bà vùng đây chuyên nghề làm thuyền. Thật là những cái cơ nghiệp nổi.

Gió sớm thổi mạnh. Một chiếc ghe bầu trương buồm nhờ neo. Buổi sớm khởi hành của cánh buồm căng thẳng, bao giờ cũng là vui mắt. Tôi muốn tôi mãi mãi được là một lá buồm căng thẳng như thế, mỗi lúc có gió sớm nổi dọn đường cho một mặt trời mới nhô lên sau ngấn nước bờ Đông.

Mụ chài chỉ tay đuổi theo ghe từ từ ra cửa sông xa với:

— Ngày xưa, chủ ghe đó cũng xăm xi làm đồ như bọn tôi. Từ ngày đi bán ghe với ông Bá bên Cẩm Phô, lão ta vớt được ở giữa khơi một tảng long diên hương to bằng trái dừa Bình Định, về bán cho khách trú, được

cơ man nào là bạc. Bây giờ chủ ghe đó hề nghe thấy tin cá ông lụy bất cứ ở nơi nào, là lão cũng tới để góp phần làm ma với dân chài lưới sở tại. Ông trời mà thương tôi, chả mấy chốc mà nên cơ đồ, thầy ạ.

Tôi đồ bộ, rất ngờ nghếch với cái sinh hoạt của buổi mai ở Phố. Người ta đang gỡ những tấm cửa lùa để bày mặt hàng tạp hóa. Những tấm cửa lùa này lùa theo một chiều dọc! Nghênh ngang giữa phố Chùa Cầu — một cái phố cấm xe hơi đi qua — hai ba người không một cái bàn độc, ở trên đó, nằm phủ phục một con heo quay đã mất đầu và hai chân. Bốn người đi bán thịt lợn quay một cách ngộ nghĩnh như thế đã chui lọt vào một con đường kiệt. Từ con đường kiệt lại lộ ra một thiếu phụ mặc áo lụa trắng, tay xách một cái song to, mỗi lúc ngừng kéo hơi điều thuốc lá Cầm lệ thì mồm lại rao: «Ai ngầu mạp nạm không?». Ở người một gã lơ thừ, tôi cho không cái bất thình lình nào thú bằng cái việc đi tới một xứ lạ vào lúc đêm hôm, để sớm mai được hoàn toàn bỏ ngõ trước những cái phô phang đầu tiên của một trạng thái sống mới lạ, sau một giấc ngủ đích đáng của đường trường. Đi tới một nơi lạ, tiếng rao của bốn người bán quả rong có những chỗ âm riêng, đã làm cho tôi cảm động hơn hết mọi cái gì của một vùng ấy. Những chiếc xe tay có lục lạc đồng kêu loong coong như tiếng nhạc ngựa của một thầy chánh tổng vùng quê xứ Bắc, lại càng gọi lòng vui của tôi. Có lẽ mai một đây, nếu tôi cứ phải nấn ná ở đây, những thứ tiếng hoạt động này sẽ trở nên tầm thường và lại còn khó chịu nữa; nhưng ở giờ phút này, những thanh âm đó tạc sâu vào thính giác tôi. Nhớ được cái mùi của một nơi, người ta rất còn nên nhớ tới một cái tiếng của một nơi nữa.

Đặt chân lên thêm nhà, tôi đã nhận ngay lấy một câu hỏi chế giễu của người em gái lấy chồng ở trong ấy:

— Đêm qua, ông Cổ nằm thuyền?

Cả nhà phá lên cười. Mai đến chiều, tôi mới hiểu cái nghĩa của sự nằm thuyền ở Quảng là như thế nào. Ra ở đây người ta thường truy lạc trên mặt sông, có gần như ở Huế. Mỗi con thuyền là một chiếc thuyền tinh, thử tinh mua bằng tiền nhiều khi lại rất hơi giá.

Mặt trời Faifo lúc ngã xuống phía núi Trà Kiệu, đã in dài xuống con đường đi Cửa Đại một cái bóng xe ngựa. Tôi là người khách cô độc của cả một chuyến xe rước người trên Phố xuống tắm biển, cách thành phố bốn cây số. Cửa biển này là một trong thập nhị hải khẩu ghi ở sử cũ. Tôi yên trí dưới khoảnh đất thừa lương Cửa Đại, trên bãi cát, đã có bao nhiêu lâu đài diêm dúa sớm chiều làm ấm với sóng bạc đầu không có tuổi già. Trái lại, Ba bốn nếp nhà tranh vẹo theo chiều gió lộng thời quanh năm từ ngoài khơi, vào trong lục địa.

Trước mặt tôi là cù lao Chàm, tổ quốc của yến sào. Phía bắc, là Ngũ Hành Sơn, là đảo Hải Vân. Nhà của tôi, những người quen rất xưa của tôi, ở tút tập lủi xa sau cái lớp mây trắng kéo dài từ đất ra đến bề đó.

Nhìn xoay vào trong bãi vẫn chỉ có mấy túp lều tranh nép mình dưới ngọn phi lao. Sóng bờ i ầm, gió cây bãi ào ào. Chỉ có thế thôi. Nếu là người ham chuộng cái lộng lẫy của những bờ biển đã duy tân như Đồ Sơn, Sầm Sơn có những biệt thự xanh đỏ tím vàng, thì cảnh mệc mệc này có thể xua đuổi tôi đi ngay lập tức. Không nản lòng một chút nào, tôi còn thấy

quyển luyến với cảnh. Tôi vui vẻ bước vào quán. Chủ quán là một ông già, một ông già còn giữ được cái búi tóc trắng.

Ông cụ Điều, ông chủ quán — người rất vui tính. Cái tính hồn nhiên của cụ Điều thật đã hòa hợp với cái tự nhiên nơi bãi bể này, một bãi bể mà người ta còn được phép tự do khỏa thân lúc đêm thâu xuống nước mặn.

Tôi ở Cửa Đại có đến năm sáu ngày liền. Ngày ngày ăn cá luộc thay cơm. Và chốc chốc lại nhảy tùm xuống bể ngâm mình. Chán nó rơn với nước, tôi lại lên bãi phơi mình tắm nắng. Chúng tôi là bốn người cứ cặp kè nhau trong cái vui sướng với tự nhiên: ông cụ Điều, Nhân — người con trai ông cụ — và một thi sĩ trẻ người vùng Quảng Bình vào đây hít gió dưỡng bệnh den phổi và tôi. Đêm, chúng tôi ngắm sao trên vòm trời như những kẻ đi biển tìm phương hướng. Cái êm đềm của đêm thâu lương hạo lạnh này thỉnh thoảng thường bị phá rối vì mấy cuộc đánh bài tứ sắc ồn ào cái cọ của mấy người ở Quảng Ngãi ra chơi đây.

Cảnh mến tôi, tôi quyến luyến với cảnh. Nhưng ngày lên đường của tôi đã tới. Sóng vỗ chiều nay nghe như có chen những tiếng rì rầu.

— Thưa cụ, tôi gửi lại tiền về sự phiền quấy trong mấy bữa.

— Đi rồi sao?

Ông cụ Điều và cậu Nhân tỏ ý buồn nhớ. Ông cụ rầu lòng giống như một ông tù trưởng trên xứ Mường phải miễn cưỡng thả một « cái quan » rất tứ tế trở về đất Kinh. Biết không thể làm cho khách lui lại nhất kỳ, ông cụ nói:

— Nghe nói người Hà Nội vui lắm. Người niên thiếu và phong tình như mấy thầy chịu chi nỗi chốn này.

Tôi vỗ vai cậu Nhân. Nếu sau này có phải vẽ tranh cho cuốn truyện Tuyết Hồng lệ sử, vẽ đến bức hình Bằng Lang, thì tôi phải trở lại tìm cho được cái kiểu mẫu này. Tôi khoa tay chào cả nhà ông cụ Điều.

Chiếc xe ngựa của anh Bảy đã quay mấy vòng bánh, nghiêng xuống cát kêu rào rào. Xe đi khuất vào rừng thông nổi gió. Cha con ông Điều đã mất sau lùm cây. Sóng đồ ào, đuổi theo người đi.

Chưa rời khỏi cái quán được mấy trăm thước mà tôi đã thấy nhớ Cửa Đại tưởng chừng như có thể quay xe trở lại được.

Sao cảnh ở đây hiền lành thế. Ngồi trầm ngâm đem so sánh những bãi bể nghỉ mát ở các tỉnh rải rác một vùng duyên hải, nếu tôi có thể hạ những chữ như « bãi bể đã đánh di » để chỉ Đồ Sơn hay Sầm Sơn chẳng hạn, thì tôi càng nhận thấy Cửa Đại là một đất thừa lương rất lương thiện.

Có như thế. Con nhà chài ở đây chưa biết đánh lừa người ta mỗi khi bán mớ tôm, mớ cá. Những thiếu phụ góa bụa quán giải khăn ngang dề tang một người thuyền chài chết vì mớ cá nục ngoài bể sâu mấy con sào nước, những người sương phụ đó có cái vẻ đẹp của thánh Maria đó chưa biết đến việc mai dâm, một thứ hàng mà người thành thị đi nghỉ mát để khoe của đã đem du nhập vào mọi chỗ hải tần đồi mồi. Ở đây, người ta đi tắm là đi tắm. Hít gió ở đây là một cứu cánh chứ không phải là một phương tiện trá hình của tắm trường giả. Ở đây chỉ có cát vàng, cây xanh, sóng, trắng đầu. Cảnh tự nhiên chưa bị hoen ố bởi những tấm biển quảng cáo. Tạo vật được kính trọng

đến cả trong những tiếng động. Ngoài cái bản đàn của sóng khơi và gió ngàn thông, tịch không có tiếng âm nhạc hỗn xược của nhà khiêu vũ hay của khách sạn mà mỗi lúc say sưa, người ta lấy dao, lấy thìa, lấy thìa ba mà gõ vào miệng cốc, thành đĩa để bắt chước cái tiếng động một chiếc máy chữ của những nước cơ khí hóa đến cả tấm lòng.

Trên con đường này, tôi chưa được thấy bóng một cái xe hơi vô lễ nào vượt qua tôi với sự ngạo mạn của tên cầm lái chửi mắng người bộ hành bằng những nắm cát bụi mù bở trở lại.

Lọc cọc lạch cạch, cái xe ngựa của anh Bầy chạy rất chậm trên con đường vắng. Thật là hình bóng sự vận tải của một thời Trung Cổ. Nó giống như cái xe thổ mộ của Nam Kỳ. Thằng Càng chồm chồm lại nói với cha nó dừng xe lại. Anh Bầy sau khi họ xe ngựa đứng im để cho đứa con xuống khám lại vành bánh xe cũ nát, lại chặc lưỡi, nói cương. Cái xe ngựa-ôm yếu lại từ từ lăn vòng bánh trụ tạo trên đoạn đường lổm chổm. Trông con ngựa già nhằn nẻi và ỉ ạch, tôi nghĩ đến những cái tài hoa lúc đã cỗi cằn hay những ông đồ cuối mùa cố bám vào cuộc sống đã ruồng bỏ mình ra mặt.

Mãi đến bảy giờ gần về đến Phố, tôi mới nhớ ra trong xe, còn có thêm một hành khách nữa. Ấy là một người đàn bà, một thú đàn bà tôi. Tôi ở chỗ lều là trong câu nói tiếng cười. Tôi ở cái lối phục sức-dã dã tiền mà cứ gắng làm ra lộng lẫy cho kỳ được. Cái tuổi trẻ này, chắc đã thức đêm nhiều và đã bị truyền qua tay nhiều người vô danh lấm. Hai con mắt đục tố cho rõ sự mệt mỏi của xác thịt bị vấy vọc nhiều và bộ ngực xop xep của nàng nhắc cho mình nghĩ đến những cái

gì sắp vừa ra. Có phải những tàn lửa điều thuốc lá Cầm Lệ của những đêm trên chiếc thuyền tình sông Hội An đã dúi thủng cái manh áo tím nhàu nát kia không? Tôi yên trí rằng, nếu còn lần nữa ở Faifo, nếu còn nằm đó, thế nào tôi cũng thấy lại cái khuôn mặt này.

Xe ngựa anh Bầy đã vào đến địa đầu thành phố. Cái người đàn bà đó vẫn chưa chịu xuống. Nàng cứ ngồi ỉ ra đấy để ám sát cái hiền lành của một chuyến xe ngựa rất nên thơ. Thấy nàng vô duyên và trố trên đến cực điểm, tôi không muốn ví cái xe của anh Bầy với chiếc xe roulette của người lưu đày nữa. Bởi vì cái người đàn bà tôi đó không thể nào chếp được cho tôi cái hình của người *gigane*, mặc dầu mái tóc của nàng đen như mun.

Đêm nay tôi lại ngủ đà.

Trăng đêm khuyết hẳn một góc và kênh càng mãi, bắt tôi nằm chờ đợi rất lâu nơi cửa sổ khoang thuyền. Dưới bóng lơ mơ, những chiếc thuyền con rao bán chè đậu ván và mì cu-ly lượn lên lượn xuống như vào một ngày hội hoa thuyền. Tôi muốn mách những người có tâm bệnh, mỗi tiết hè, tôi đây mách đường nhân hay nhân sâu trên mặt sông này. Ta sẽ thấy những cảm tưởng nhẹ nhàng.

Giữa hai giấc mộng còn con, tôi bắt được vợ chồng nhà đồ đang cãi lộn nhau về cái câu: « Quảng Nam hay là Quảng Ngãi hay co, Bình Định hay lo, Thừa Thiên tích hết ».

Tôi từ thuyền về nhà để thu thập hành lý. Buổi sớm, sau đêm đó, tôi ăn cơm với cá trắng, thứ cá riêng có sông Phố. Nó thơm như cá sông Hương. Bữa cơm gia đình không vui lắm, vì trên cái mùi đồ ăn lại còn phảng phất ít mùi tiền hành.

— Anh Cả ở rảnh lại ít ngày. Sắp đến mùa loong boong đó. Ước ao mãi, giờ nhân vô chơi, anh đợi mà ăn trái loong boong.

Tôi nhấp cạn chén rượu ty và lơ đãng nhìn mấy người em tôi — cả em gái lẫn em trai, em dâu và em rể nữa — đang chụm đầu trên mâm cơm. Tôi không nói sai sự thực tí nào khi tôi ví lũ em tôi là những củ khoai sơn. Chúng nó lành lặn. Sống không phiền ai mà cũng không muốn ai quấy mình. Từ khi được làm người đến giờ, chúng chưa bị một cơn khủng hoảng nào, chưa biết bản khoăn bao giờ cả. Các em tôi được đặt vào cuộc sống cũng như mấy con khoai sơn được một ông lang y nào nhứt nhát trong việc kê đơn đã bạo tay bỏ vào một thang thuốc bắc. Là mấy đồng căn hay là một lạng, những nhát khoai sơn trắng trẻo ngon lành, nếu không làm giảm được bệnh, thì cũng chưa bao giờ làm tăng bệnh lên. Có ai ngộ thuốc, chết được vì vị khoai sơn bao giờ. Thế nhưng mà khoai sơn vẫn là cần dùng để trợ sức cho những vị thuốc công phạt khác. Tôi lặng lẽ nhìn người em gái bảy giờ trông đã đứng đắn, vì đã có chồng, vì đã có con.

— Loong boong, là một thứ thời trân rất quý của quê Quảng đó, anh Cả nè.

Không biết ai đã giảng quốc sử một cách tai quái cho em tôi từ bao giờ mà em tôi dám buộc tôi tin rằng trái loong boong vì vua Gia Long mà mới có.

Hồi xưa, vua Gia Long trải quân qua xứ Quảng, lỡ gặp lúc tuyệt lương. Tới một đoạn rừng, thấy có thứ quả chín, «ngài» bèn bóc ra ăn thử, sau khi đã khấn trời Phật giúp cho «ngài» và ba quân khỏi gặp đói. Thế rồi là ba quân đều ăn và no lòng đi đánh giặc.

(Giặc nào!?) Trái loong boong được đặt tên là Nam Trân. Một vị đại thần thờ vua triều trước quận ở Quảng Nam, muốn lưu lại một cái tên của một thứ quả quý giá, đã đặt tên con gái mình bằng tên chữ của loong boong.

Và ở trái loong boong nào, bao giờ cũng có vết ngón tay «ngài» bấm vào. Cái ông vua Gia Long này thực là một ông vua nhiều chuyện nhất trong lịch sử. Hồi qua Lào, có người ở Thakhek đã chỉ cho tôi xem một cây đa mọc ngược, rễ chổng lên trời, ngọn cắm xuống đất! Vua Gia Long trông dè dặt phải đánh cho được giặc đấy!

— Đến cử đầu tháng tám, là có loong boong rồi. Ở rảnh lại, ăn loong boong đó. Anh thì bận cái gì. Cả năm anh chơi hoài ấy mà!

Trời, đợi từ giờ đến tháng tám, nằm bệt ở đây như một người giang hồ ngọa bệnh, để chờ một trái loong boong chín cây! Em tôi thực là một thế giới giản dị hiền lành. Tôi nhớ đến truyện người u già cũ kỹ của Anatole France: sắp vắng Paris, khi France dặn dò sắp phải đi ra ngoài đảo Sicile tìm một cuốn sách cổ, người u già nhắc rằng: «Nhưng mà ông về cho sớm, kẻo người mất đồ ăn sắp bưng ra».

Hạnh phúc ở đời, phải là thứ phần thưởng chế tạo ra để riêng tặng những người đơn giản như thế, hồ đến bù lại cho người ta về những chỗ thiệt thòi khác.